

J. KRISHNAMURTI BÀN VỀ CHÂN LÝ TRONG “CHÂN LÝ VÀ THỰC TẠI”

Đoài Thị Thêu¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu này tập trung làm rõ nội dung tư tưởng của Krishnamurti trên các phương diện: 1) Khái niệm chân lý; 2) Mối quan hệ “tư tưởng” - “hiện thực” - “chân lý”; 3) Con đường đạt đến chân lý. Tư tưởng chân lý của Krishnamurti giúp chúng ta vượt lên trên quan niệm truyền thống, bằng một cách thức mới lạ, độc đáo, đưa con người xúc chạm được với bản chất sống động của sự sống như nó đang có. Cuộc đời và sự nghiệp của Krishnamurti như là sự hiện thân của chân lý, thuần khiết, sống động, cho nên, dù khen hay chê cũng không đủ để nói về Krishnamurti.

Từ khóa: *Chân lý, thực tại, chân lý và thực tại, J. Krishnamurti.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhà triết học vĩ đại Hy Lạp - Aristotle đã từng nói, “triết học là khoa học về chân lý”. Từ thuở sơ khai, con người đã mài miết đi tìm chân lý hay sống cùng chân lý, không ngừng suy ngẫm về cuộc đời và ý nghĩa cuộc đời. Tuy vào bối cảnh xã hội và điều kiện cụ thể mà vấn đề chân lý được quan tâm, bàn luận ở những phương diện khác nhau. Vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, khoa học tự nhiên chứng kiến một loạt các phát minh có tính chất khai phá, tạo ra bước ngoặt về sự hiểu biết của con người đối với thế giới tự nhiên, đặt ra những vấn đề mới cho lý luận nhận thức. Chính điều đó làm cho chân lý là vấn đề muôn thuở lại trở nên có tính thời sự. Kế thừa tư tưởng chân lý trong lịch sử và bằng một tinh thần khoa học, Krishnamurti bàn về khái niệm chân lý, chỉ ra cách thức đi đến chân lý hết sức độc đáo, tạo ra sự kinh ngạc cho hàng ngàn người trên thế giới khi họ lắng nghe ông dù họ là trí thức hay theo các tôn giáo, dân tộc khác nhau.

2. NỘI DUNG

1. Vài nét về cuộc đời, tư tưởng của J. Krishnamurti và cuốn sách “Chân lý và thực tại”

Krishnamurti (1895 - 1986) là một triết gia, nhà diễn thuyết nổi tiếng về các vấn đề triết học và tinh thần. Ông sinh ra trong một gia đình Bà-la-môn trung lưu tại ngoại ô tỉnh Madanapalle, miền nam Ấn Độ. Mẹ của Krishnamurti là một người có đời sống tâm linh sâu sắc, hoạt động sống của bà được thấm nhuần bởi tư tưởng trong kinh sách của tôn giáo Ấn Độ, đạo Bà-la-môn và Phật giáo. Khi lớn lên, Krishnamurti chịu ảnh hưởng rất lớn từ người mẹ của ông, trải qua tuổi thơ nhiều sóng gió khi mẹ mất sớm, ông thường xuyên phải nghỉ học vì mắc bệnh sốt rét kéo dài, nhiều năm sau đó, Krishnamurti được phát hiện

¹ Khoa Lý luận Chính trị - Luật, Trường Đại học Hồng Đức; Email: doithitheu@hdu.edu.vn

và nuôi dưỡng bởi hội Thông thiên học (Theosophical society), họ tin rằng, Krishnamurti sẽ trở thành vị thầy của thế giới trong tương lai. Tuy nhiên, đến năm 1929, ông giải tán hội Ngôi sao phương Đông - một hội đoàn tôn giáo do hội Thông thiên học thành lập, và trình bày bản tuyên ngôn “Thực tại (chân lý) là nơi không có lối mòn để vào” (Truth is a pathless land). Qua bản tuyên ngôn, Krishnamurti muốn tuyên bố một thông điệp, mà đối với nhiều người tại thời điểm đó, đã gây ra một sự chấn động. Ông muốn vượt lên trên tất cả những “phân mảnh” của thực tại, của những thói quen, kinh nghiệm, truyền thống, tôn giáo, theo một cách riêng để tìm ra chân lý, đi đến sự tự do.

Thêm vào đó, Krishnamurti đã sống trong một thời kỳ đầy biến động của Ấn Độ nói riêng và thế giới nói chung khi chứng kiến hai cuộc chiến tranh thế giới. Tại các quốc gia tham chiến, bạo lực bùng nổ, tàn sát, hãm hiếp, hôi của, đốt phá được thấy rõ. Bị ảnh hưởng bởi chiến tranh, tại đất nước Ấn Độ, nhiều cuộc di cư to lớn của người dân đã xảy ra trên khắp đất nước. Thực trạng đó của xã hội hiện lên như những “phân mảnh” của hiện thực bị chia cắt, bị xáo trộn, mâu thuẫn. Đó là nguồn gốc cho những khổ đau đang hiện hữu, bao trùm lên cuộc sống của con người. Cảm nhận thực tại bằng nội tâm sâu sắc, Krishnamurti đã nhìn thấy nguyên nhân của những khổ đau nằm ngay ở sự “phân mảnh” bên trong của tâm hồn mỗi con người. Để thay đổi cái hiện thực đó, Krishnamurti đã chủ trương tiến hành một cuộc cách mạng tư tưởng ngay trong chính mỗi người, bằng việc chấm dứt sự phân biệt giai cấp, dân tộc, tôn giáo, truyền thống, thông qua việc tổ chức các buổi thuyết giảng mà số người nghe lên đến hàng ngàn người; tổ chức các buổi thảo luận riêng với các nhân vật danh tiếng thế giới như: Thủ tướng Ấn Độ là Jawaharlal Nehru, Indira Gandhi và Rajiv Gandhi; nhà tôn giáo học Huston Smith, Walpola Rahula, Chogyam Trungpa Rinpoche; nhà vật lý học Dr David Bohm; nhà văn Aldous Huxley,... Ở tuổi 90, Krishnamurti cũng đã diễn thuyết tại Liên hợp Quốc về chủ đề hòa bình và nhận thức, được trao tặng Huân chương Hòa bình của Liên hợp Quốc năm 1984.

Trong suốt sự nghiệp của mình, Krishnamurti được đánh giá là một nhà hiền triết thực sự của thế kỷ XX, một người đến được chân lý từ đầu đến cuối và được các nhà trí thức trên thế giới quý mến. Đức Đạt lai Lạt ma (1935 - nay) khẳng định: “Krishnamurti là một trong những tư tưởng gia vĩ đại nhất của thời đại” [6]. David Bohm (1917 - 1992) là triết gia, nhà vật lý cơ học lượng tử hàng đầu đánh giá: “tác phẩm của Krishnamurti thăm thấu cái cốt tủy của lối tiếp cận khoa học trong hình thức cao nhất và thuần khiết nhất” [5]. Những vấn đề được Krishnamurti quan tâm hàng đầu bao gồm sự nhận thức, giáo dục và tự do của con người. Một tư tưởng nổi lên, chiếm vị trí hàng đầu trong nhận thức luận của ông là vấn đề chân lý và mối quan hệ giữa tư tưởng - hiện thực - chân lý. Đây là vấn đề cực kỳ khó khăn, làm bận tâm các nhà triết học qua mọi thời đại. Vấn đề chân lý được Krishnamurti bàn luận trong nhiều tác phẩm khác nhau, từ “Tự do đầu tiên và cuối cùng” (The first and last freedom) (1954), “Tự do vượt lên trên sự hiểu biết” (Freedom from the known) (1963 - 1967); “Bàn về sự thật” (On truth) (1948 - 1985),... Nhưng tư tưởng chân lý được bàn luận tập trung nhất là cuốn “Chân lý và thực tại” (Truth and actuality) (1975 - 1976). Đây là tác phẩm quan trọng bậc nhất của ông khi bàn về chân lý và đồng thời cũng đánh dấu sự chuyển biến trong tư tưởng của ông so với các tác phẩm trước đó.

Tư tưởng của Krishnamurti trong “Chân lý và thực tại” được kết cấu thành ba phần: *Phần một*, gồm các cuộc thảo luận diễn ra giữa Krishnamurti và David Bohm, giáo sư

về vật lý lý thuyết tại Đại học Luân Đôn.

Phần hai, là bản tường trình trung thực các buổi nói chuyện và đối thoại tại Brockwood Park đã diễn ra trong mùa thu 1975.

Phần ba, gồm câu hỏi và trả lời, được trích từ các buổi nói chuyện ở Seanen vào các năm 1975 - 1976.

Tư tưởng xuyên suốt tác phẩm là mối quan hệ giữa chân lý và hiện thực, tập trung vào các nội dung cốt lõi như: *Chân lý là gì? Hiện thực là gì? Liệu có bất kỳ mối quan hệ nào giữa hai cái đó không, hay chúng vốn độc lập, tách biệt nhau? Con người có khả năng nhận thức để tìm thấy chân lý cuộc đời hay không?*

2.2. Một số học thuyết về chân lý trong lịch sử triết học và quan điểm chân lý của Krishnamurti

Với sự chiêm nghiệm không ngừng nghỉ của con người qua các thời đại nhằm kiến tạo một định nghĩa hoàn hảo cho khái niệm chân lý. Từ đó, có 5 hướng lý giải chính đã được hình thành.

Thứ nhất, học thuyết chân lý tương hợp

Học thuyết đã được đề xuất bởi nhà triết học người Anh George Edward Moore (1873 - 1958). Chân lý được định nghĩa là sự tương ứng giữa ý tưởng và thực tại, ý tưởng ấy là đúng đắn, chân xác. Mầm mống của tư tưởng này được hình thành từ quan niệm cổ điển về chân lý, tiêu biểu như Aristotle (384 - 322 TCN), các triết gia kinh viện, đặc biệt là Thánh Thomas Aquinas (1225 - 1274). Theo đó, chân lý được định nghĩa với niềm tin rằng, nó là sự tương ứng giữa hoạt động tư tưởng vốn có của chúng ta với những gì tồn tại bên ngoài tư tưởng của chúng ta.

Thứ hai, học thuyết chân lý gắn kết

Lần đầu tiên, học thuyết chân lý gắn kết xuất hiện trong hệ thống triết học của Baruch Spinoza (1632 - 1677) và Georg Wilhelm Friedrich Hegel (1770 - 1831). Nó được chấp nhận ở nhiều hình thức bởi các triết gia hậu duệ nổi tiếng như Francis Herbert Bradley, Brand, Blanshert, Edgar Sheffield Brightman và Rudolf Carnap. Các triết gia này xem xét chân lý như là một hệ thống có kết cấu chặt chẽ hay một hệ định đề có mối quan hệ tương hỗ với nhau. Một nhận định chỉ đúng nếu nó có thể phối hợp một cách nhất quán và có hệ thống với các thành phần khác nhau trong khuôn khổ của hệ định đề ấy.

Thứ ba, học thuyết chân lý thực dụng

Chủ nghĩa thực dụng (Pragmatism) được giới triết học thế giới đánh giá là một đóng góp rất độc đáo, thật sự quan trọng của triết học Mỹ ở thế kỷ XX và kho tàng triết học của nhân loại. C.X. Pierce (1839 - 1914) được biết đến như là người đặt nền móng tư tưởng cho chủ nghĩa thực dụng. Theo Pierce, chân lý thể hiện tính hữu dụng tương lai của chúng đối với mục tiêu của con người. Chân lý không phải là cái đích tồn tại tự thân, nên nhận thức chân lý là một quá trình mang tính chủ quan, được kiểm nghiệm bằng hiệu quả thực tế. “Để xác định ý nghĩa của một khái niệm trí tuệ, người ta nên xem xét những hệ quả về mặt thực hành nào có thể phát sinh ra từ chân lý của khái niệm đó; và tổng số những hệ quả này sẽ tạo thành toàn bộ ý nghĩa của khái niệm đó” [1]. Nguyên tắc nổi tiếng này của Pierce

đã được phát triển bởi các nhà thực dụng William James (1842 - 1910) nhà thực dụng lỗi lạc nhất và John Dewey (1859 - 1952) nhà thực dụng có ảnh hưởng lớn nhất.

Thứ tư, học thuyết chân lý ngữ nghĩa

Học thuyết chân lý ngữ nghĩa dựa trên nền tảng cho rằng, con người sử dụng ngôn ngữ dựa trên một hệ thống các từ vựng, tiếp đến là những phối hợp từ hay các câu. Năm 1944, Alfred Tarski (1901 - 1983) đề xuất khái niệm chân lý ngữ nghĩa và cho rằng, chân lý được xác lập bởi các nhận định như một dạng siêu ngôn ngữ. Chân lý chỉ có khả năng ứng dụng trong môi trường ngôn ngữ; về cơ bản, nó chỉ là vấn đề ngữ nghĩa. Theo đó, nguồn gốc các học thuyết chân lý chính là các sự kiện ngôn ngữ, chứ chưa hẳn là các sự kiện của thế giới và bất chấp biểu hiện bề ngoài của mình nó chỉ đem đến thông tin về ngôn ngữ mà thôi. Do đó, chân lý hay ngụy tạo tùy thuộc vào thế giới có thỏa mãn được những điều kiện của câu được gọi “điều kiện chân lý” [3; tr.587].

Thứ năm, học thuyết chân lý hiện sinh

Chủ nghĩa hiện sinh xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, của một nhóm các triết gia có chung niềm tin cho rằng, tư duy triết học xuất phát từ chủ thể cá nhân con người - không chỉ đơn thuần là chủ thể tư duy mà còn là chủ thể hành động, cảm nhận, và sống. Trong khi giá trị được nhìn nhận phổ biến của tư tưởng hiện sinh là sự tự do, tiêu chuẩn đạo đức hàng đầu của nó là sự đích thực. Từ đó, trong góc nhìn của các nhà hiện sinh, xuất phát điểm của chân lý hiện sinh là phải đặt trên cơ sở tồn tại luận. Triết gia hiện sinh tiêu biểu là Martin Heidegger (1889 - 1976) cho rằng: “Chân lý như là sự không - che giấu” [9]. Chân lý vốn “không che đậy”, là “sự vén mở”, tham gia vào “sự vén mở” bản chất của “cái đang là” (được hiểu như là hiện tại). Heidegger khẳng định “yếu tính của chân lý là tự do”. Tự do tham gia vào sự vén mở của hiện tại, sự phát lộ của hiện sinh (cá nhân), đồng thời đang góp mặt vào nhận thức cái hiện tại rõ ràng ấy. Với tự do nó cho phép con người nhận thức được hiện tại.

Trên đây là các quan điểm khác nhau bàn về chân lý, mỗi một loại quan điểm đứng từ mỗi góc độ đề định nghĩa chân lý và xác định bản chất, con đường đi đến chân lý. Điểm chung các quan điểm này là vấn đề chân lý được xem xét trên lập trường tồn tại luận hoặc nhận thức luận, nghĩa là nó đi vào trả lời cho các câu hỏi: Chân lý là sự phù hợp giữa giữa phán đoán và đối tượng, giữa “tri” và “vật”, giữa phản ánh và đối tượng của phản ánh, giữa nhận thức và hiện thực, giữa chủ thể nhận thức và khách thể nhận thức hay ngược lại? Ai (Cái gì) là vật mang chân lý? Khác với góc độ tiếp cận của các trường phái trên, quan điểm chân lý Krishnamurti được xây dựng trên một nền tảng mới, nền tảng thực tại luận. Trên nền tảng này tự nó đã bao hàm cách thức, con đường đi đến chân lý hết sức độc đáo, không phải thông qua sự nhận thức, sự hiểu biết, cũng không phải bằng ngôn từ mà con người phải vượt qua được cái hiểu và cái biết để thấy mình trong “thực tại” và ở trạng thái đó con người đạt đến chân lý.

Khi luận bàn về chân lý, câu hỏi đầu tiên tự vấn các nhà triết học trong suốt nhiều thế kỷ đó là: “Chân lý là gì?”. Chân lý hay sự thật trong tiếng La Tinh là “verus”, hay Đức ngữ là “wahr”, cái đang là, đang tồn tại, đang có đó; tiếng Anh là từ “true” - chân, thật - nghĩa gốc của từ “true” là chân thật (honest) và trung thực (faithful), thẳng thắn. Với phương châm cho rằng, triết lý nghĩa là yêu sự thật, chứ không phải yêu từ ngữ, yêu ý tưởng, nêu suy đoán,

Krishnamurti cho rằng, chân lý là “tư tưởng của ta trung thực với cái đang là... Còn không thì tư tưởng của ta không chân thật, nó ảo” [4; tr.17]. Chân lý là một trạng thái của “cái đang là”, đang có đó, đang diễn tiến, đang trôi chảy. Theo đó, sự thật không thuộc quá khứ hay tương lai, nó là không - thời gian, hay nói cách khác, sự thật nằm trong từng khoảnh khắc của thực tại. Khái niệm “thực tại” (actuality) có nghĩa là “tồn tại thực”. Vật tồn tại thực là một sự kiện hoặc một hành động đang diễn ra, đang thực sự được tri giác. Theo nghĩa này, chân lý là thực tại. Và vì thực tại là cái đang là, đang được quan sát, đang được lắng nghe nên sự thật đồng thời là cái không lặp lại. Theo đó, người trích dẫn sự thật của Đức Phật, của Shankara, của Christ, hay chỉ lặp lại điều người khác đang nói, sẽ không tìm được sự thật, thậm chí, sự lặp lại ở một bối cảnh khác, một thiên kiến khác đã là một sự dối trá.

Khi chúng ta nói đến một sự vật đang tồn tại thực, đang được tri giác và cũng có những sự vật đã được tạo tác, được xác lập như máy vi tính đến các phương tiện vật chất được con người phản ánh, tạo ra trong quá trình sinh tồn hay những sự vật có vẻ như độc lập với con người như là cây cối, thiên nhiên, sao trời, vũ trụ... Krishnamurti gọi các sự vật trong trạng thái đó là “hiện thực”. “Hiện thực” (reality) xuất xứ từ “res”, “là vật, và bất cứ vật gì mà tư tưởng hay niệm tưởng động đến, hoặc tạo ra, hoặc phản ánh, đều là hiện thực” [4; tr.11]. Nói cách khác, hiện thực là những gì mà tư tưởng nghĩ đến, được phản ánh trong đầu óc dù sự phản ánh đó là đúng đắn hay sai lầm. Và chúng không là hiện thân của chân lý, bởi vì suy cho cùng, chúng ta nhận biết, gọi tên được các sự vật từ vô cùng lớn như thiên nhiên, sao trời, vũ trụ hay vô cùng nhỏ như nguyên tử, vi rút, vì trùng đều dựa trên một sự thiết lập từ kinh nghiệm, kiến thức có trước. Chúng ta không thể tiếp xúc với sự thật khi có sẵn một màng lưới của định kiến được dựng lên trong tư tưởng chúng ta. Krishnamurti viết: “Ta thấy bất kỳ vật gì đều thấy thông qua chính kinh nghiệm của ta, thông qua cái nền tảng tâm lý hay sự hiểu biết của ta. Tất cả mọi kiến thức của ta dựa trên tư tưởng thực sự đều thuộc thế giới duy nhất bị quy định của hiện thực” [4; tr.19]. Bản thân tư tưởng chính là phản ứng của ký ức, của kinh nghiệm, của kiến thức, nó thuộc về quá khứ đối với những gì đang diễn ra. Trong khi sự thật phải được khám phá, phát hiện và thấu hiểu trong từng hành động, trong từng cảm xúc, dù nó là tầm thường và thoáng qua, phải được quan sát trong từng phút, từng giây và phải được thấu hiểu trong tiến trình tư tưởng của chính chúng ta dù nó đúng đắn hay sai lầm, chính sự trải nghiệm đó là mới là sự thật.

Có thể nhận thấy rằng, khi trả lời câu hỏi “Chân lý là gì?”, Krishnamurti vẫn thấu hiểu và quán triệt nó trên nền tảng mối quan hệ chủ thể - khách thể hay khách thể - chủ thể trong truyền thống của học thuyết chân lý tương hợp hay học thuyết chân lý gắn kết. Tuy nhiên, sự phù hợp giữa chủ thể - khách thể đó là sự phù hợp một chiều, đòi hỏi sự nỗ lực của chủ thể vươn tới khách thể để đạt được trạng thái tương ứng, hoặc ngược lại và tại đó chân lý được xác lập. Với Krishnamurti sự phù hợp tư tưởng và hiện thực là mối quan hệ hai chiều; là sự hoà nhập vào nhau, khi tư tưởng xúc chạm đến sự vật với tư cách là cái đang là, khoảnh khắc đó tư tưởng đạt đến chân lý và chân lý cũng hiện hữu ở trong tư tưởng của người đó. Do đó, chân lý hiện hữu trong từng khoảnh khắc, trong sự trải nghiệm của mỗi cá nhân, chứ không phải là một cái gì lặp lại mang tính hệ thống, tính phổ quát như trong truyền thống của học thuyết chân lý gắn kết.

Đồng thời, khi coi chân lý là “cái đang là”, theo Krishnamurti, chân lý không nằm trong trạng thái tĩnh, không ở điểm đầu, không ở điểm cuối mà nằm trong tiến trình. Luận điểm

này có mầm mống trong tư tưởng của nhà triết học thời Cổ đại - Heraclitus với câu nói bất hủ: “Không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông”. Chân lý không còn là chân lý khi ta cho rằng đã nắm được nó. Tư tưởng này được phát triển lên đỉnh cao bởi nhà triết học duy tâm Hegel. Tất cả chân lý đều đang trở thành. Chân lý (ý niệm) “là tiến trình” [2; tr.900]. Chân lý không phải chỉ là sự thật của sự vật trong khoảnh khắc nó là, mà là toàn bộ quá trình hình thành để hoàn thành, giống như dòng sông không chỉ chảy chỗ nọ không chảy chỗ kia mà chảy trọn vẹn cả dòng trôi. Tư tưởng quan trọng này được Krishnamurti đề cập đến trong một loạt các công trình nổi tiếng khác của ông. Trong cuốn “Tự do vượt trên sự hiểu biết”, ông viết: “Chân lý chính là sự sống. Sẽ có lỗi đi đến một thứ đã chết vì nó ở trạng thái tĩnh, nhưng chân lý sống động và dịch chuyển không ngừng nghỉ, nên không thể được tìm thấy ở bất cứ đâu” [7; tr.18]. Trong “Bàn về sự thật”, ông cho rằng: “Sự thật là một sự việc đang sống từ khoảnh khắc sang khoảnh khắc - phải được khám phá, không phải bị tin tưởng, không phải bị trích dẫn, không phải bị lập công thức” [8; tr.30].

Chân lý là điều sống động, biến dịch và do đó con người không thể mô tả được, điều có thể miêu tả được thì không phải là chân lý. Vậy làm thế nào để chúng ta đi đến được chân lý? Có một điều hiển nhiên là chúng ta đang sống trong một môi trường có trọng lực, mọi vật đều tương tác tức là bị quy định lẫn nhau, ta gọi đó là ảnh hưởng. Trong vật lý học điều này thể hiện rất rõ, tất cả các hành tinh đều ảnh hưởng lẫn nhau, các nguyên tử ảnh hưởng lẫn nhau. Mọi vật đều có thể ảnh hưởng lên tư tưởng và đến lượt tư tưởng phản ứng lại và ảnh hưởng lên hình thể của vật tựa như một nghệ nhân đang tạo tác một tác phẩm nghệ thuật. Tuy nhiên, não bộ con người đã chứa đầy quan niệm, kiến thức, kinh nghiệm sống, chúng sẽ tạo nên một cái phông nền (background) qua nhiều ngàn năm. Con người chỉ tạo tác nên những hình ảnh, những sự vật qua lăng kính của cái phông nền mà họ đang sống. Cái vòng luẩn quẩn đó khiến con người cảm thấy an toàn và họ đã chấp nhận điều đó như truyền thống, như tập quán và sống theo đường lối ấy. Một quan niệm về chân lý không phải là chân lý. Toàn bộ cấu trúc của kiến thức là sai lầm bởi vì hiện thực của nó bị xuyên tạc, bị bóp méo. Sự thật không nằm ở trong thế giới hiện thực, nó vượt ra ngoài thế giới tư tưởng và lý trí, một điều bí ẩn mà tư tưởng không thể tiếp xúc. Sự giới hạn của tư tưởng, của kiến thức con người làm cho chân lý và kiến thức không đi chung, kiến thức không thể dung chứa cái mênh mông của sự bí mật. Krishnamurti viết: “Không thể đi qua hiện thực để đến chân lý; bạn phải thấu hiểu sự giới hạn của hiện thực, tức là toàn bộ tiến trình của tư tưởng” [4; tr.58]. Vì thế, con người không thể đạt đến chân lý nếu dựa trên nền tảng của hệ thống kiến thức, kinh nghiệm đã có. Luận điểm này của Krishnamurti có sự đối lập với truyền thống của học thuyết chân lý ngữ nghĩa, được xây dựng trên toà tháp của hệ thống các từ vựng theo cấu trúc điều kiện của câu.

Cần thấy rằng, khi con người quan sát thế giới và quan sát chính mình, tạo lập hình ảnh về thế giới đó và về chính họ, tuy nhiên, cách mà chúng ta quan hệ hay đáp ứng với thế giới lại khuôn theo hình ảnh mà họ đã có, tức là thông qua kinh nghiệm, qua thời gian và toàn bộ nền móng văn hóa, kinh tế, xã hội. Trong khi chân lý là cái vượt lên trên mọi sự quy định của hiện thực, theo đó con người muốn tiếp xúc được chân lý, con người cần nhận biết được hiện thực, thấu hiểu được quy định của nó và bước ra khỏi sự quy định của hiện thực đó. Tư tưởng của chúng ta đạt đến trạng thái tĩnh lặng hoàn toàn, tức là không còn ý thức về không gian, thời gian, chỉ còn sự hợp nhất với mọi chuyển động của thế giới xung quanh như nó đang là, sự quy định của hiện thực biến mất, lúc đó, chúng ta đạt đến được chân lý. Krishnamurti viết:

Khi “trí não hoàn toàn lịch lạng, không phải để sử dụng, không phải để nghĩ tưởng đến”, “chú tâm hoàn toàn thì không có việc lập ảnh, nghĩa là sự quy định biến mất” [4; tr.157].

Nhìn lại tiến trình của chân lý ta thấy nó không phải là chữ nghĩa, khái niệm. Chân lý khi con người hiểu biết nó thì sự hiểu biết đó vượt qua được chữ hiểu và chữ biết vốn được dựa trên nền tảng của tri thức, kinh nghiệm về hiện thực xung quanh thì chính con người hiểu biết đó là chân lý. Theo đó, chân lý đi đến đâu nó hiện hữu ở trong cái đó. Ví như một cây gỗ mà nó có chất trầm và chất thơm thì đó là cây trầm hương. Nếu cây gỗ đó gần tất cả những cây xung quanh thì những cây xung quanh cũng có phần ảnh hưởng, cho nên sự ảnh hưởng đó là tinh hoa; là chất lượng của một loài cây hay một con người. Ở khía cạnh này, có thể nhận thấy rằng, tiêu chuẩn của chân lý không là hiệu suất hay sự thành công do tư tưởng mang lại trên một phương diện nào đó của đời sống cá nhân như đã được đề xuất trong quan niệm của chủ nghĩa dụng; mà trạng thái hoà hợp trong sự tĩnh lặng hoàn toàn giữa chủ thể với khách thể, ở trạng thái đó, chủ thể thấy mình là khách thể và khách thể hiện hữu trong chủ thể, đó là tiêu chuẩn của chân lý.

3. KẾT LUẬN

Krishnamurti bàn về chân lý, sự thật trên nền tảng mối quan hệ “hiện thực” - “tư tưởng” - “thực tại”. Cách tiếp cận này không thoát ly khỏi truyền thống nhưng bằng một tinh thần khoa học, ông đã nhận diện truyền thống theo một cách thức độc đáo, đáng kinh ngạc đối với hầu hết chúng ta. Krishnamurti đã chỉ ra cái biết của chân lý không phải là ngôn từ, không phải là ví dụ, nói năng, mà chân lý khi con người xúc chạm được đến nó thì nó hiện hữu ở ngay trong chính con người đó. Ở Việt Nam có nhiều người biết đến, say mê nghiên cứu tư tưởng của Krishnamurti. Qua tìm hiểu về quan điểm chân lý, chúng ta biết về một con người mà làm thế nào ông đã đi đến được chân lý từ đầu đến cuối, đi đến được sự giác ngộ, trở thành một con người mà không bị nghi ngờ, không bị chết trong thời gian. Nhiều năm sau khi ông mất, lòng tin của nhiều người trên khắp thế giới, từ những người trí thức, nhà chính trị, nhà khoa học đến các tôn giáo, đều coi ông như là một bậc thầy về tâm linh. Đây là dấu ấn rất vĩ đại của Krishnamurti.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Donald A. Gallagher (2020), *Pierce - Triết gia của triết gia* (Nguyễn Thị Minh dịch), cập nhật ngày 17/2/2020 tại http://triethoc.edu.vn/vi/truong-phai-triet-hoc/triet-hoc-my/pierce-triet-gia-cua-triet-gia_909.html
- [2] G.W.F. Heghen (2008), *Bách khoa thư các khoa học triết học I, Khoa học logic*, Nxb. Tri thức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Ted Honderich (2006), *Hành trình cùng triết học*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [4] J. Krishnamurti (2009), *Chân lý và thực tại* (Bản dịch Đào Hữu Nghĩa), Nxb. Thời đại, Hà Nội.
- [5] J. Krishnamurti (2009), *Chân lý là đất không lối mòn* (Nguyễn Ước dịch), truy cập ngày 3/3/2021 tại <http://www.talawas.org/?p=4921>

- [6] J. Krishnamurti (2010), *Cuộc đời và tư tưởng* (Dannyviet dịch), truy cập ngày 4/3/2021, tại <https://thuvienhoasen.org/a5554/cuoc-doi-va-tu-tuong>
- [7] J. Krishnamurti (2018), *Tự do vượt lên trên sự hiểu biết* (Bản dịch Hoàng Huấn), Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
- [8] J. Krishnamurti (2012), *Bàn về sự thật* (Lời dịch Ông Không), A Division of HarperCollinsPublishers, HarperSanFrancisco.
- [9] Bùi Văn Nam Sơn (2017), *Bản chất của chân lý*, truy cập ngày 28/2/2021 tại http://triethoc.edu.vn/vi/chuyen-de-triet-hoc/triet-hoc-nghe-thuat/ban-chat-cua-chan-ly_689.html

DISCUSSING THE TRUTH IN “TRUTH AND ACTUALITY”

Doi Thi Theu

ABSTRACT

With the purpose of clarifying Krishnamurti's thoughts on truth, the article approaches the following aspects: Introducing a few details about his life, thoughts and the book “Truth and Actuality”; summarizing some theories of truth in the history of philosophy; The content of Krishnamurti's thought in the following aspects: 1) The concept of truth; 2) The relationship “thought” - “reality” - “truth”; 3) The path to reach the truth. Krishnamurti's thought of truth helps us go beyond traditional concepts, in a new and unique way, bringing people in touch with the vibrant nature of life as it exists. Krishnamurti's life and career are like the embodiment of truth, pure and lively, so whether we praise or criticize is not enough to talk about him.

Keywords: *Truth, actuality, truth and actuality, J. Krishnamurti.*

* Ngày nộp bài: 5/4/2024; Ngày gửi phản biện: 12/4/2024; Ngày duyệt đăng: 13/6/2024